

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 01 - 2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạ;
2. Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 595/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24-11-2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: đường số N, khu phố M, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Thoại A, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: khu phố M, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2017, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đình S trình bày:

Ông Nguyễn Đình S và bà Nguyễn Thị Thoại A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28-5-2009.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên đã cố gắng hòa giải để nuôi dạy con chung nhưng cũng không hạnh phúc nên ông S và bà A đã ly thân từ cuối năm 2011 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên ông S yêu cầu ly hôn với bà A.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08-9-2010. Từ khi ly thân (năm 2011) đến nay, con chung do ông S nuôi dưỡng, bà A không đến thăm nom, cấp dưỡng và có trách nhiệm gì với con chung nên khi ly hôn, ông S yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp:

- Bản sao: Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của ông S; Giấy đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thoại A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đình S và bà Nguyễn Thị Thoại A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 63 ngày 28-5-2009 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Theo ông S trình bày, sau khi kết hôn, ông và bà A sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà A không có trách nhiệm với chồng con, hai bên cố gắng hòa giải nhưng cũng không hạnh phúc nên đã ly thân từ cuối năm 2011 đến nay. Nay ông S thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mỗi người có một cuộc sống riêng nên ông S yêu cầu ly hôn với bà A.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà A không đến làm việc, trình bày ý kiến của mình, không phản đối yêu cầu xin ly hôn của ông S, do đó lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn của vợ chồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông S về việc xin ly hôn với bà A.

Theo giấy khai sinh số 470/2011 ngày 21-7-2011 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì ông S và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08-9-2010.

Theo ông S trình bày, từ khi ly thân (cuối năm 2011) đến nay, con chung do ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà A không đến thăm nom, quan tâm đến con chung. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu cũng như nguyện vọng của con chung, tiếp tục giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ly hôn với bà A. Giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung:

Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, Khoản 3 Điều 228, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình S về việc “Ly hôn” với bà Nguyễn Thị Thoại A.

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đình S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thoại A.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08-9-2010 cho ông Nguyễn Đình S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông S về việc không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015320 ngày 31-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- UBND P. P, Q. C, TP. HCM.
- Lưu HS. AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Thi